

TỔNG HỢP

TÍNH CHI PHÍ QUẢN LÝ VÀ CHI PHÍ KHẤU HAO TÀI SẢN NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 405/QĐ-BVĐK ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
A	Một số tiêu chí chung: Lấy số liệu TH năm 2022 làm cơ sở		
I	Tổng số thu tại đơn vị năm 2022	Đồng	748.877.949.521
	Tổng số thu DV khám chữa bệnh tại đơn vị năm 2022		648.524.502.556
	Thu khác (nhà thuốc, nhà xe...)		100.353.446.965
II	Hao mòn tài sản năm 2022	Đồng	86.986.316.040
B	Tính chi phí TYC bệnh nhân phải chi trả ngoài giá DV theo quy định		
I	Tiền lương (bằng chênh lệch giá DV hiện nay (TT39; TT13; NQ 32) với mức lương quy định tại TT37 mức 1 kết cấu giá DV chưa bao gồm tiền lương và các khoản đóng góp)		
II	Phân bổ chi phí quản lý		
1	Tổng số thu tại đơn vị năm 2022		748.877.949.521
2	Chi phí không tính trong chi phí quản lý năm 2020		558.326.312.749
2,1	Tiền thuốc, hóa chất, VTYT, máu, dịch truyền		305.468.374.208
2,2	Thu khác (nhà thuốc, nhà xe...)		100.353.446.965
2,3	Chênh lệch thu, chi sau khi trừ chi phí hoạt động TX 2022		152.504.491.576
3	Chi phí tính phân bổ cho chi phí quản lý 2022		190.551.636.772
4	Tỷ lệ nhân lực phân bổ cho quản lý tại Bệnh viện: 20%	%	20
5	Phân bổ chi phí quản lý năm 2022		38.110.327.354
6	Tỷ lệ chi phí quản lý tính trên tổng số thu		5,09
7	Chi phí quản lý được tính trong giá dịch vụ yêu cầu		5,09
III	Phân bổ chi phí khấu hao tài sản cố định		
1	Tổng số thu tại đơn vị tính tỷ lệ khấu hao năm 2022	Đồng	748.877.949.521
	Trong đó:		
1,1	- Số thu dịch vụ khám chữa bệnh theo giá TT 39; 13		610.854.258.636
1,2	- Số thu dịch vụ khám chữa bệnh Theo yêu cầu		37.670.243.920
2,3	Thu khác (nhà thuốc, nhà xe...)		100.353.446.965
2	Hao mòn tài sản cố định năm 2022	Đồng	86.986.316.040
3	Tỷ lệ hao mòn tài sản chiếm % (2/1.2) so với số thu theo giá quy định	%	11,62

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
4	Chi phí khấu hao tài sản được tính trong giá dịch vụ yêu cầu/giá dịch vụ theo quy định	%	11,62
IV	Tích lũy (Mục 5 Điều 18 ND/85/2012)	%	10
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2% nhân với các chi phí quy thành tiền của I+II+III+IV	%	2
B	Giá dịch vụ yêu cầu		
I	Giá theo quy định hiện hành		
II	Chi phí theo yêu cầu		
1	Một lần lương (làm ngoài giờ): bằng chênh lệch giá DV đang thực hiện so với giá TT37 giai đoạn 1 khi chưa tính CP tiền lương, các khoản đóng góp vào giá DV,	Đồng	
2	Chi phí quản lý bằng: 5,09% giá theo quy định hiện hành	%	5,09
3	Chi phí khấu hao TSCĐ bằng: 11,62% giá theo quy định hiện hành	%	11,62
4	Dự phòng rủi ro 1%	%	1
4	Tích lũy 10% tính trên phần chi phí TYC	%	10
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp 2% nhân giá dịch vụ	%	2